

Số: 942/TSC – KHHD

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2024

V/v: Đăng tải thông báo mời thầu gói thầu
“Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024”

Kính gửi: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP
(Văn phòng Tổng công ty)

Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC) tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu “Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024” theo hình thức Mua sắm trực tiếp.

Trên cơ sở phê duyệt của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật tại Quyết định số 395/QĐ-TSC ngày 07/10/2024, PV Power TSC kính đề nghị Văn phòng Tổng công ty đăng tải thông tin thông báo mời thầu gói thầu “Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024” chi tiết như sau:

- Tên gói thầu:** Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024.
- Nguồn vốn:** Vốn sản xuất kinh doanh của PV Power/PV Power Ha Tinh.
- Thời gian thực hiện Hợp đồng:** 6 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hàng hoá.
- Hình thức và phương thức lựa chọn nhà cung cấp:**
 - Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Mua sắm trực tiếp từ nhà thầu Công ty Cổ phần Thiết bị và Dịch vụ Công nghiệp Á Châu.
- Thời gian đóng thầu:** 10 giờ 00 phút ngày 10/10/2024.
- Thời điểm mở thầu:** 10 giờ 30 phút, ngày 10/10/2024 hoặc 02 giờ ngay sau khi nhận được HSDX của Nhà thầu, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD N.M.Tuấn (để b/c);
- Lưu: VT, KHHD (NVT).

Đính kèm:

- Quyết định số 395/QĐ-TSC ngày 07/10/2024.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Số: 395/QĐ-TSC

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu “Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024”

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-ĐLĐK ngày 22/6/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc thành lập Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-ĐLĐK ngày 23/6/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật; và Quyết định số 252/QĐ-ĐLĐK ngày 27/3/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 656/QĐ-ĐLĐK ngày 19/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Quyết định số 424/QĐ-ĐLĐK ngày 30/5/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-ĐLĐK ngày 05/6/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP và Quyết định số 656/QĐ-ĐLĐK ngày 15/8/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-TSC ngày 15/9/2024 và Quyết định số 372/QĐ-TSC ngày 24/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc uỷ quyền;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TSC ngày 26/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc Phê duyệt phương án thực hiện và dự toán mua sắm vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-TSC ngày 01/10/2024 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc phê duyệt danh sách Tổ chuyên gia/Tổ lựa chọn nhà thầu và Tổ thẩm định các gói thầu mua sắm vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 390/QĐ-TSC ngày 03/10/2024 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số 02/BC-TTĐ ngày 07/10/2024 của Tổ thẩm định về việc thẩm định Hồ sơ yêu cầu gói thầu “Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024”;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 07/10/2024 về việc xin phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu “Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu “Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024”, như tài liệu đính kèm.

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia làm đầu mối, phối hợp với các Phòng chức năng, PV Power TSC Miền Trung và Tổ thẩm định triển khai các bước tiếp theo của quá trình lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch được duyệt, tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng chức năng, PV Power TSC Miền Trung và Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- GD N.M.Tuấn (để b/c);
- Các PGĐ (e-copy);
- Lưu: VT, TCG (NVT).

Đính kèm:

- Hồ sơ yêu cầu.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT



**HỒ SƠ YÊU CẦU
MUA SẮM HÀNG HÓA**

Số hiệu gói thầu: _____

Tên gói thầu: Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024

Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024

Phát hành ngày: 07/10/2024

Ban hành kèm theo Quyết định: 395/QĐ-TSC

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
VND	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (sau đây gọi là PV Power TSC) mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024 thuộc Dự toán mua sắm vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn sản xuất kinh doanh của PV Power/ PV Power Ha Tinh.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng là: 6 tuần được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan (nếu có)), không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu.

3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu.

Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh theo quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 02 ngày làm việc. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không

đáp ứng quy định này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu;
3. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 8 Chương này;
4. Đề xuất về giá và tiến độ cung cấp theo Mẫu số 04 Chương III;
6. Các nội dung khác: Tất cả biểu mẫu quy định tại Chương III .

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu chào giá: Theo Mẫu số 04 Chương III.

3. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại theo Mẫu số 04 Chương III, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan

1. Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải tuân thủ theo ký, mã hiệu, nhãn

mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị nêu trong HSYC. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của các vật tư, thiết bị bao gồm các tài liệu sau:

- Giấy phép bán hàng của Nhà sản xuất/đại lý được uỷ quyền của nhà sản xuất Torishima.

2. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX chứng minh rằng hàng hóa đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương IV.

3. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và 02 bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu:

- Địa chỉ Bên mời thầu: Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, Tầng 4 Toà nhà Viện

Dầu khí, số 167 Trung Kính, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Thời điểm đóng thầu: 10 giờ 00 phút, ngày 10/10/2024.

2. Mở thầu:

- Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai tại địa chỉ:
 - + Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

+ Tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Thời gian mở thầu: 10 giờ 30 phút, ngày 10/10/2024 hoặc 02 giờ ngay sau khi nhận được HSDX của Nhà thầu, tùy theo thời điểm nào đến trước.

- Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của nhà thầu

- Việc mở thầu được thực hiện theo trình tự:

a) Kiểm tra niêm phong.

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin:

- Tên nhà thầu;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này được gửi cho nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

Mục 12. Nhà thầu phụ: Không áp dụng.

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ

thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu
4. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên theo quy định, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu trúng thầu.

Điều 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh quy định tại HSYC này hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị

người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:

Ông Lê Ngọc Sơn - Phó Giám đốc - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

+ Địa chỉ: Tầng 4 Toà nhà Viện đầu khí Việt Nam, 167 Trung Kính, Yên Hoà, Cầu giấy, Hà Nội.

+ Email: sonln@tsc.pvpower.vn.

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Không áp dụng

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá bán của Vietcombank tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 10a Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực tài chính			Các yêu cầu cần tuân thủ Đối với nhà thầu độc lập	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu		
1	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính 2023.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
2	Doanh thu bình quân	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của các năm 2021, 2022, 2023 của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 86,5 tỷ VND	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09 cùng tài liệu quy định tại Mẫu số 09
3	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính năm 2023 phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09 cùng tài liệu quy định tại Mẫu số 09

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá nhân sự chủ chốt: Không áp dụng

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá kỹ thuật, HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí theo yêu cầu đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chính sau:

STT	Các tiêu chí kỹ thuật		Kết quả đánh giá Đạt/ Không đạt
I	Về phạm vi cung cấp		
1	Phạm vi hàng hóa cung cấp	Chào toàn bộ 100% các hạng mục và số lượng hàng hoá yêu cầu tại Bảng 1 - Danh mục hàng hóa - Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
		Chào thiếu hạng mục	Không đạt
II	Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa		
1	Các thông số kỹ thuật	Nhà thầu nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu và các thông số kỹ thuật đáp ứng 100% hạng mục yêu cầu tại mục 1.2, Bảng 1– Danh mục hàng hóa – Chương V. Yêu cầu kỹ thuật (kể cả sau khi làm rõ)	Đạt
		Nhà thầu không nêu hoặc nêu nhưng đáp ứng không đầy đủ theo yêu cầu (kể cả sau khi làm rõ)	Không đạt
2	Tài liệu kỹ thuật để chứng minh hàng hóa chào đáp ứng thông số và yêu cầu kỹ thuật	Nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật cung cấp các tài liệu như catalogue; hoặc chỉ ra được vị trí trong bản vẽ lắp đặt hoặc bản vẽ công nghệ của Nhà sản xuất gốc; hoặc các tài	Đạt

STT	Các tiêu chí kỹ thuật		Kết quả đánh giá Đạt/ Không đạt
		liệu khác tương đương để chứng minh tính áp dụng 100% yêu cầu kỹ thuật của hàng hoá	
		Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ để chứng minh tính đáp ứng (kể cả sau khi đã làm rõ)	Không đạt
4	Chất lượng hàng hoá	Nhà thầu có Cam kết hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2023 trở đi.	Đạt
		Không có cam kết	Không đạt
4	Nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa	Nhà thầu hãng sản xuất và xuất xứ của hàng hóa theo yêu cầu tại Bảng 1- Danh mục hàng hóa - Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
		Nhà thầu không nêu cụ thể hãng sản xuất và xuất xứ của hàng hóa theo yêu cầu Bảng 1– Danh mục hàng hóa – Chương V. Yêu cầu kỹ thuật (Được phép bổ sung làm rõ, sau khi bổ sung làm rõ vẫn không đáp ứng yêu cầu)	Không đạt
III	Chế độ bảo hành		
1	Cam kết tuân thủ chế độ bảo hành tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	Nhà thầu có cam kết tuân thủ chế độ bảo hành tiêu chuẩn của	Đạt
		Không có cam kết	Không đạt

STT	Các tiêu chí kỹ thuật		Kết quả đánh giá Đạt/ Không đạt
2	Thời hạn bảo hành hàng hóa của nhà thầu	Lớn hơn hoặc bằng thời gian bảo hành của nhà sản xuất nhưng tối thiểu phải bằng 12 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	Đạt
		Có thời gian bảo hành ngắn hơn thời gian bảo hành của nhà sản xuất nhưng tối thiểu phải bằng 12 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	Không đạt
IV	Tiến độ giao hàng, địa điểm giao hàng		
1	Địa điểm giao hàng:	Giao hàng tại NMNĐ Vũng Áng 1, Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Đạt
		Giao hàng tại địa điểm khác.	Không đạt
2	Thời gian giao hàng hóa	Tối đa là 6 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Đạt
		Dài hơn 6 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1: Xác định giá dự thầu theo đơn dự thầu:

Bước 2: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);

Bước 3: Xác định giảm giá (nếu có)

Bước 4: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]. Thời gian thực hiện gói thầu là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là _____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Không áp dụng

BẢNG GIÁ DỰ THẦU VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (chưa bao gồm thuế, GTGT)	Thuế GTGT		Thành tiền (đã bao gồm thuế, GTGT)	Tiến độ cung cấp
												Thuế suất (%)	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(10)x(12+14)	(16)
	Hàng hóa thứ 1													M1	
														
	Hàng hóa thứ n													Mn	
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và giao hàng đến địa điểm quy định trong HSMT														(M)	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ các thông tin theo yêu cầu trong biểu giá dự thầu cho toàn bộ hàng hoá quy định trong HSYC. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____
Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 06

Không áp dụng

Mẫu số 07a

Không áp dụng

Mẫu số 08

Không áp dụng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

	<p>Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)</p>		
	<p>Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC</p>		
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽¹⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC

thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao y công chứng/ chứng thực các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán;
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Phần 2. YÊU VẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

a. Dự toán

- Tên dự toán: Mua sắm vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024.
- Tổng giá trị dự toán đã bao gồm thuế GTGT 8% là **57.788.757.943 VNĐ**.
- Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP
- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của PV Power/PV Power Ha Tinh.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Địa chỉ: Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

b. Gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024
- Giá gói thầu: 57.661.674.343 VNĐ, đã bao gồm thuế GTGT 8%.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của PV Power/ PV Power Ha Tinh
- Loại Hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 6 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Địa chỉ: Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a. Yêu cầu về hàng hoá

- Hàng hoá chào thầu phải đáp ứng đầy đủ về danh mục, số lượng và các thông số kỹ thuật theo yêu cầu nêu Bảng 1. Hàng hoá phải có xuất xứ rõ ràng, có ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác và cung cấp các tài liệu như catalogue; hoặc Nhà thầu phải chỉ ra được vị trí trong bản vẽ lắp đặt; hoặc bản vẽ công nghệ của Nhà sản xuất gốc (OEM); hoặc các tài liệu khác tương đương; và giấy phép bán hàng của Nhà sản xuất gốc hoặc đại lý uỷ quyền của Nhà sản xuất gốc kèm theo để chứng minh tính hợp lệ và thông số kỹ thuật của hàng hoá để nghiệm thu.

Bảng 1**DANG MỤC HÀNG HOÁ**

TT	Tên vật tư	Đvt	Nhà sản xuất	Part number	Số lượng	Vật liệu
I. Vật tư thay thế						
1	Bearing Sleeve	PCS	Torishima	5290.1	1	SUS329J3L
2	Bearing Sleeve	PCS	Torishima	5290.2	1	SUS329J3L
3	Bearing Sleeve	PCS	Torishima	5290.3	1	SUS329J3L
4	Bearing Sleeve	PCS	Torishima	5290.4	1	SUS329J3L
5	Packing Sleeve	PCS	Torishima	5240	1	SUS329J3L
6	AR-1 Bearing	PCS	Torishima	3118.1	1	RESIN/AR1
7	AR-1 Bearing	PCS	Torishima	3118.2	1	RESIN/AR1
8	Cutless Rubber Bearing	PCS	Torishima	3112.1	1	RESIN/NBR
9	Cutless Rubber Bearing	PCS	Torishima	3112.2	1	RESIN/NBR
10	Shell Coupling	PCS	Torishima	8530.1	1	SUS329J3L
11	Shell Coupling	PCS	Torishima	8530.2	1	SUS329J3L
12	Impeller Casing Ring	PCS	Torishima	5030	1	SUS329J3L
13	Casing Wearing Ring	PCS	Torishima	5020	1	SUS329J3L

TT	Tên vật tư	Đvt	Nhà sản xuất	Part number	Số lượng	Vật liệu
II. Vật tư phục vụ lắp đặt						
1	O-ring	PCS	Torishima	4120.1	1	NBR70
2	O-ring	PCS	Torishima	4120.2	1	NBR70
3	O-ring	PCS	Torishima	4120.3	1	NBR70
4	O-ring	PCS	Torishima	4120.4	1	NBR70
5	O-ring	PCS	Torishima	4120.5	1	NBR70
6	O-ring	PCS	Torishima	4120.6	1	NBR70
7	O-ring	PCS	Torishima	4120.7	1	NBR70
8	O-ring	PCS	Torishima	4120.8	1	NBR70
9	O-ring	PCS	Torishima	4120.9	1	NBR70
10	Rubber String Packing	PCS	Torishima	4121.1	1	NBR70
11	Rubber String Packing	PCS	Torishima	4121.2	1	NBR70
12	Rubber String Packing	PCS	Torishima	4121.3	1	NBR70
13	Rubber String Packing	PCS	Torishima	4121.4	1	NBR70
14	Rubber String Packing	PCS	Torishima	4121.5	1	NBR70
15	Rubber String Packing	PCS	Torishima	4121.6	1	NBR70

TT	Tên vật tư	Đvt	Nhà sản xuất	Part number	Số lượng	Vật liệu
16	Gland packing	PCS (1 PCS = 1 ROLL)	Torishima hoặc tương đương	4610	1	PILLAR6501L
17	Hexagonal bolt	PCS	Torishima	9010.1	4	SUS329J3L
18	Hexagonal bolt	PCS	Torishima	9010.2	3	SUS329J3L
19	Hexagonal bolt	SET (1 SET=28 PCS)	Torishima	9010.14	1	SS400
20	Hexagonal bolt	SET (1 SET=20 PCS)	Torishima	9010.15	1	SS400
21	Stud bolt	SET (1 SET=3 PCS)	Torishima	9020.1	1	SUS329J3L
22	Stud bolt	SET (1 SET=12 PCS)	Torishima	9020.2	1	SS400
23	Set Screw	SET (1 SET=2 PCS)	Torishima	9040.1	1	SUS329J3L
24	Set Screw	SET (1 SET=4 PCS)	Torishima	9040.2	1	SUS329J3L
25	Set Screw	SET (1 SET=4 PCS)	Torishima	9040.3	1	SUS329J3L
26	Set Screw	SET (1 SET=2 PCS)	Torishima	9040.4	1	SUS329J3L
27	Set Screw	SET (1 SET=1 PCE)	Torishima	9040.5	1	SUS329J3L
28	Set Screw	SET (1 SET=1 PCE)	Torishima	9040.6	1	SUS329J3L

TT	Tên vật tư	Đvt	Nhà sản xuất	Part number	Số lượng	Vật liệu
29	Set Screw	SET (1 SET=1 PCE)	Torishima	9040.7	1	SUS329J3L
30	Set Screw	SET (1 SET=2 PCS)	Torishima	9040.8	1	SUS329J3L
31	Set Screw	SET (1 SET=2 PCS)	Torishima	9040.9	1	SUS329J3L
32	Set Screw	SET (1 SET=1 PCE)	Torishima	9040.10	1	SUS329J3L
33	Set Screw	SET (1 SET=1 PCE)	Torishima	9040.11	1	SUS329J3L
34	Set Screw	SET (1 SET=1 PCE)	Torishima	9040.12	1	SUS329J3L
35	Set Screw	SET (1 SET=2 PCS)	Torishima	9040.13	1	SUS329J3L
36	Snap ring	SET (1 SET=1 PCE)	Torishima	9320.4	1	Titanium
37	Snap ring	SET (1 SET=1 PCE)	Torishima	9320.6	1	Titanium

b. Tiến độ thực hiện.

Nhà thầu phải cung cấp hàng hoá trong vòng 06 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

c. Địa điểm thực hiện

Nhà thầu giao hàng hoá tại NMND Vũng Áng 1, Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

d. Yêu cầu về đóng gói vận chuyển

Yêu cầu tất cả hàng hóa phải được đóng gói theo đúng quy chuẩn của nhà sản xuất để đảm bảo không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển và lưu kho.

e. Bảo hành hàng hoá

- Thời gian bảo hành: Toàn bộ hàng hoá được bảo hành với thời gian lớn hơn hoặc bằng thời gian bảo hành của nhà sản xuất nhưng tối thiểu phải bằng 12 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

- Phương thức bảo hành:

+ Khi kiểm tra, nghiệm thu hàng hoá cũng như trong quá trình lắp đặt, sử dụng các chi tiết cung cấp trong hợp đồng, nếu có chi tiết nào không phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như chất lượng không đảm bảo thì chủ đầu tư sẽ thông báo ngay cho Nhà thầu bằng văn bản các sai sót này:

+ Trong thời gian không quá 10 ngày sau khi nhận được các thông báo nói trên của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải sửa chữa hoặc thay thế tất cả hàng hóa sai sót và mọi chi phí liên quan đều do Nhà thầu chịu.

+ Nếu sau khi đã được thông báo, Nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian quy định, Chủ đầu tư có thể tiến hành các bước cần thiết để thu lại số tiền tương ứng với các hàng hóa bị sai sót này từ Bảo đảm bảo hành của Nhà thầu. Đồng thời Chủ đầu tư sẽ tìm nguồn khác để mua các hàng hóa này và toàn bộ chi phí chênh lệch do Nhà thầu chịu theo cách khấu trừ từ tiền bảo đảm bảo hành. Ngoài ra Chủ đầu tư có quyền xem xét không cho phép Nhà thầu tham gia các gói thầu do Chủ đầu tư tổ chức trong các đợt đấu thầu tiếp theo.

+ Việc thực hiện các nghĩa vụ bảo hành nói trên của Nhà thầu chỉ đối với các hư hỏng được xác định là do chính bản thân chất lượng của các chi tiết gây nên. Trong quá trình bảo hành, nếu có hàng hóa bị hư hỏng, kém chất lượng thì thời gian bảo hành được tính lại từ ngày đưa chi tiết cung cấp thay thế vào sử dụng với thời hạn bảo hành như qui định nêu tại khoản này.

f. Các yêu cầu khác.

1.1.1. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm, tài liệu kỹ thuật và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá. Cam

kết cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng chỉ có liên quan gồm:

- Giấy chứng nhận chất lượng và xuất xứ hàng hóa
- Giấy bảo hành/chế độ bảo hành của nhà sản xuất; catalogue/tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác nghiệm thu.

Mục 2. Bản vẽ: Không áp dụng

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra nhãn mác, mã hiệu của hàng hóa;
- Kiểm tra quy cách đóng gói, bảo quản của hàng hóa;
- Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ, chất lượng hàng hóa thông qua các giấy tờ liên quan.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu: Tiến hành kiểm tra thông tin trên các giấy tờ C/O, C/Q và tờ khai hàng hoá nhập khẩu của từng hàng hóa. Thông tin phải đầy đủ, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại Khoản 1.2 Mục 1 Chương V Phần 2.

+ Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Tiến hành kiểm tra thông tin trên giấy chứng nhận xuất xưởng. Thông tin phải đầy đủ, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại Khoản 1.2 Mục 1 Chương V Phần 2.

- Kiểm tra hình dạng bên ngoài toàn bộ danh mục hàng hóa của gói thầu, trong trường hợp có những hàng hóa không đạt yêu cầu thì loại ra và yêu cầu nhà thầu phải bổ sung bằng các hàng hóa khác đạt yêu cầu về hình dạng bên ngoài.

- Kiểm tra thông số kỹ thuật của từng hàng hóa đã đạt yêu cầu về hình dạng bên ngoài, nếu có những hàng hóa không đạt yêu cầu về thông số kỹ thuật thì loại ra và yêu cầu nhà thầu phải bổ sung bằng các hàng hóa khác đạt yêu cầu về thông số kỹ thuật.

Phần 3:
BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG

Số: /HĐ/PVPTSC-.....[ghi tên viết tắt của nhà thầu]/2024/HH

V/v Cung cấp vật tư phục vụ công tác xử lý bất thường Bơm nước làm mát chính B
NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà cung cấp trúng thầu ký ngày ...tháng...năm....

Hôm nay, ngày ...tháng...năm 2024

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM- CTCP – TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : 0866 206 877.

Mã số thuế : 0102276173-009.

Đại diện : Ông Lê Ngọc Sơn.

Chức vụ : Phó giám đốc

(Theo Quyết định ủy quyền số 343/QĐ-TSC ngày 15/9/2024 và số 372/QĐ-TSC ngày 24/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật).

Sau đây gọi là Bên A

2. CÔNG TY ...

Địa chỉ :

Điện thoại :

Mã số thuế :

Đại diện :

Chức vụ:

Tài khoản :

Tại :

Đại diện là

Chức vụ :

Sau đây gọi là Bên B

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp Đồng cung cấp Hàng Hóa với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được diễn giải như sau:

- 1. Bên A/ PV Power TSC:** Là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
- 2. Bên B:** Là ... (Ghi tên nhà thầu trúng thầu)
- 3. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa:** Tên tiếng Anh là Certificate of Origin, được viết tắt là C/O, là văn bản hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức thuộc nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ sản xuất hoặc xuất khẩu hàng hóa cấp dựa trên quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa đó.
- 4. Giấy chứng nhận chất lượng:** Tên tiếng Anh là Certificate of Quality, viết tắt là C/Q, là loại giấy tờ xác nhận rằng hàng hóa có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất hoặc các tiêu chuẩn quốc tế.
- 5. Hợp đồng:** Là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản này, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
- 6. Giá hợp đồng:** Là tổng số tiền mà Bên A phải trả cho Bên B theo Hợp đồng khi Bên B thực hiện đầy đủ và trọn vẹn nghĩa vụ Hợp đồng của mình.
- 7. Hàng hóa:** Là các vật tư mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
- 8. Ngày:** Là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 9. Tuần:** Là 07 ngày.
- 10. HSYC:** Hồ sơ yêu cầu.
- 11. HSDX:** Hồ sơ đề xuất.
- 12. VND:** Đồng Việt Nam

ĐIỀU 2. THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng:

- Văn bản Hợp đồng (kèm theo Danh mục Hàng hóa và các Phụ lục khác);
- Biên bản thương thảo Hợp đồng;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- HSYC và các văn bản làm rõ HSYC (nếu có);
- HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu (nếu có);
- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

ĐIỀU 3. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý mua và Bên B cam kết cung cấp Hàng hoá cho Bên A với danh mục, số lượng và thông số kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục 1 của Hợp đồng.

Chất lượng Hàng hoá: Mới 100%, được sản xuất từ năm 2023 đến thời điểm giao hàng.

ĐIỀU 4. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

4.1. Thời gian thực hiện hợp đồng.

Trong vòng 6 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4.2. Địa điểm giao hàng

NMND Vũng Áng 1, Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

ĐIỀU 5. LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ HỢP ĐỒNG

5.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

5.2. Giá Hợp đồng là:

- Bằng số : ... VND

- Bằng chữ :

5.3. Giá Hợp đồng tại Điều 5.2 trên đây bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và toàn bộ các chi phí cần thiết để Bên B nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.

5.4. Giá Hợp đồng tại Điều 5.2 trên đây sẽ không được thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, trừ trường hợp thay đổi thuế suất GTGT theo chính sách của Nhà nước. Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng, phù hợp với quy định hiện hành về chính sách thuế GTGT.

ĐIỀU 6. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng được ký kết và trước khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên A Bảo đảm thực hiện Hợp đồng với nội dung yêu cầu như sau:

+ Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thư Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

+ Giá trị bảo lãnh thực hiện Hợp đồng: 10% giá Hợp đồng.

+ Hiệu lực: Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày Bên B phát hành Bảo lãnh bảo hành.

- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho việc Bên B không hoàn thành bất kỳ nghĩa vụ và trách nhiệm nào của mình theo quy định của Hợp đồng. Để tránh nhầm lẫn, việc chi trả bảo lãnh thực hiện Hợp đồng như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm phạt và hoặc bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.

- Trong trường hợp 10 (mười) ngày trước ngày bảo lãnh hết hiệu lực mà Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành cho đến thời gian dự kiến hoàn thành và nộp bản gia hạn cho Bên A 5 (năm) ngày trước ngày hết hạn. Bên A có quyền rút bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu Bên B không nộp bản gia hạn theo thời gian quy định.
- Mọi chi phí liên quan đến việc mở và duy trì hiệu lực của bảo lãnh sẽ do Bên B chịu.

ĐIỀU 7. ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA

Bên B sẽ phải đóng gói Hàng hóa phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển Hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo Hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng hiện có từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

ĐIỀU 8. KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM HÀNG HÓA

8.1 Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm Hàng hóa được cung cấp, nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm không đạt thì Bên B phải đổi lại Hàng hóa và chịu các chi phí liên quan. Việc kiểm tra được tiến hành tại kho Bên A vào thời điểm giao hàng.

8.2 Bất kỳ Hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo Hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm, bằng chi phí của mình, thay thế bằng Hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các Hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

8.3 Khi thực hiện các nội dung nêu tại Điều 8.1 và 8.2, Bên B không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.

ĐIỀU 9. GIAO NHẬN HÀNG HÓA VÀ NGHIỆM THU

9.1. Thông báo giao hàng:

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A bằng văn bản 3 (ba) ngày làm việc trước ngày dự tính giao hàng cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng theo quy định tại Điều 4 Khoản 4.2.

9.2. Giao nhận Hàng hoá.

Hàng hóa sẽ được giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng theo đúng các quy định trong Hợp đồng này trước sự chứng kiến của đại diện của Bên A và Bên B. Ngay sau khi việc giao nhận hàng kết thúc, đại diện có thẩm quyền của

Bên A và Bên B sẽ cùng ký xác nhận vào Biên bản giao nhận hàng hóa (*được lập thành 04 bản gốc, mỗi Bên giữ 02 bản*) về việc nhận đầy đủ Hàng hóa như đã đề cập trong Điều 3 trên đây. Mọi vấn đề phát sinh có liên quan tới chất lượng và số lượng Hàng hóa trong quá trình giao nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng sẽ được ghi vào biên bản giao nhận và sẽ được các Bên có liên quan cùng ký xác nhận để làm bằng chứng pháp lý giải quyết các tranh chấp (nếu có) sau này cùng với các văn bản liên quan khác như biên bản giám định hàng đồ vỡ, hàng thiếu (nếu có).

9.3. Kiểm tra tính phù hợp, hợp lệ của Hàng hoá và tài liệu/chứng từ trước khi nghiệm thu.

Bên A có trách nhiệm xem xét và cho ý kiến về tính phù hợp, hợp lệ của Hàng hóa, tài liệu/chứng từ được giao trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên B giao đầy đủ Hàng hoá và tài liệu/chứng từ đi kèm theo yêu cầu.

Bên A sẽ thông báo cho Bên B những bất thường về Hàng hóa, sự không thống nhất về chứng từ để Bên B giải trình, điều chỉnh, bảo hành, đổi hàng (nếu cần) cho phù hợp với yêu cầu Hợp đồng. Việc xem xét trên bao gồm nhưng không giới hạn: thông số kỹ thuật hàng hóa; đơn vị tính hàng hóa; sự phù hợp giữa các chứng từ: hợp đồng, chứng nhận chất lượng, chứng nhận xuất xứ, tờ khai nhập khẩu... Trong trường hợp có sự sai khác đơn vị tính của Hàng hoá trong Hợp đồng và chứng từ do nhà sản xuất gốc/nhà sản xuất tương đương cung cấp thì Bên A chỉ chấp nhận nghiệm thu Hàng hoá khi hàng nhận được sự phù hợp về thông số kỹ thuật (khi dẫn chiếu đến bản vẽ hoặc mô tả được quy định trong Hợp đồng); Hàng hoá được giao phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của Nhà máy.

9.4. Nghiệm thu Hàng hoá.

Việc nghiệm thu hàng hoá được tiến hành theo các bước như sau:

9.4.1. Nghiệm thu kỹ thuật Hàng hoá:

- Hàng hoá đủ điều kiện được nghiệm thu kỹ thuật khi đáp ứng đầy đủ đặc tính kỹ thuật, mã hiệu theo quy định của Hợp đồng, có tài liệu như catalogue hoặc chỉ ra được vị trí trong bản vẽ lắp đặt hoặc bản vẽ công nghệ của Nhà sản xuất gốc; hoặc tài liệu khác tương đương và có Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất và hoặc Cam kết chất lượng của Bên B. Khi có biên bản nghiệm thu về mặt kỹ thuật, Hàng hoá có đủ điều kiện để nhập kho.

- Ngày nghiệm thu kỹ thuật là ngày được dùng để xác định Hàng hóa có giao chậm hay không, và được dùng để tính phạt giao chậm như quy định dưới đây.

9.4.2. Nghiệm thu khối lượng hoàn thành:

Bên A sẽ nghiệm thu và ký biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành cho Bên B trong vòng 03 Ngày làm việc sau khi Hàng hoá được Nghiệm thu kỹ thuật và có Giấy chứng nhận Xuất xứ Hàng hoá (C/O) và các giấy tờ theo quy định của Hợp đồng.

9.5. Trong trường hợp Hàng hóa và chứng từ được giao, nhưng chưa được nghiệm thu kỹ thuật do phải làm rõ, xác nhận lại một số thông tin. Tuy nhiên, sau khi làm rõ, xác minh những thông tin, chứng từ nhà thầu cung cấp là chính xác, thời gian đợi làm rõ, xác nhận không tính vào thời gian phạt.

9.6. Trong trường hợp hàng đồ vỡ, hàng thiếu, nếu cần thiết phải thuê cơ quan giám định độc lập để đánh giá tình trạng chất lượng và kỹ thuật của Hàng hóa khi Hàng hóa được giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng, Bên A và Bên B sẽ bàn bạc và thống nhất bằng văn bản về việc mời một cơ quan giám định có thẩm quyền tại Việt Nam để tiến hành giám định Hàng hóa, về nội dung, lịch trình giám định. Chi phí giám định sẽ do bên có lỗi chịu. Kết quả giám định tại biên bản giám định là căn cứ để xác định tình trạng, chất lượng, mức độ thiệt hại của Hàng hóa cũng như xác định mức độ trách nhiệm đền bù của Bên B (nếu có).

9.7. Bên A có quyền từ chối không nhận Hàng hóa (một phần hay toàn bộ) nếu Hàng hóa được giao không tuân thủ đúng các đặc tính kỹ thuật đã được mô tả trong Hợp đồng và Phụ lục 1 kèm theo.

ĐIỀU 10. THANH TOÁN

10.1. Phương thức thanh toán

Bên A thanh toán 100% giá trị hàng hoá được nghiệm thu cho Bên B sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ bao gồm:

- + Một (01) bản gốc **Công văn đề nghị thanh toán**;
- + Một (01) bản gốc **Hoá đơn tài chính** hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị theo Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành. Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật; Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Mã số thuế: 0102276173-009;
- + Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu kỹ thuật Hàng hoá** được đại diện của hai bên cùng ký xác nhận;
- + Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành** được đại diện của hai bên cùng ký xác nhận;
- + Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành** được đại diện của hai bên cùng ký xác nhận;
- + Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực **Giấy Chứng nhận Chất lượng** (Certificate of Quality (C/Q)) của nhà sản xuất chứng nhận Hàng hóa cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này có các đặc tính kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn chế tạo sản xuất của nhà sản xuất; hàng được sản xuất từ năm 2023 trở đi;

+ Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực **Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa** (Certificate of Origin (C/O)) do Phòng Thương mại và Công nghiệp/**Cơ quan có thẩm quyền** của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp. Trong trường hợp Giấy chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa có sai khác so với quy định, Bên B có trách nhiệm giải trình, làm rõ và chỉ được thanh toán hàng mục đó khi có sự chấp thuận của Bên A.

+ Một (01) Bản sao của Bên B **Tờ khai hải quan nhập khẩu** đối với phần hàng hóa do Bên B nhập trực tiếp; hoặc bản sao Hóa đơn/Hợp đồng giữa Bên B và đại diện nhà cung cấp của hãng sản xuất đối với phần Hàng hóa không do Bên B trực tiếp nhập khẩu (các giấy tờ trên được phép che dấu một phần thông tin nhưng phải đảm bảo các thông tin về đặc tính kỹ thuật, ký mã hiệu của Hàng hóa, hãng sản xuất, xuất xứ).

+ Bản gốc **Giấy Chứng nhận Bảo Hành** của nhà sản xuất hoặc Bên B theo quy định tại Điều 12.

+ Bản gốc **Bảo lãnh Bảo hành** theo quy định tại Điều 11.

+ Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm giao hàng** (nếu có).

+ Một (01) bản gốc **Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng** được đại diện của hai bên cùng ký xác nhận.

10.2. Thời gian thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ.

10.3. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B ghi trên Hợp đồng hoặc tài khoản do Bên B chỉ định trên Công văn đề nghị thanh toán.

ĐIỀU 11. BẢO HÀNH, BẢN QUYỀN

11.1. Thời gian bảo hành:

- Bên B bảo đảm rằng Hàng hóa được cung cấp theo Hợp đồng là mới 100%, chưa sử dụng, sản xuất từ năm 2023 để thời điểm giao hàng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo; không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của Hàng hóa.

- Thời gian bảo hành Hàng hóa: 12 tháng tính từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành được thể hiện bằng Giấy Chứng nhận bảo hành được phát hành bởi Nhà sản xuất hoặc bởi Bên B.

11.2. Bảo lãnh bảo hành:

- Sau khi hoàn thành công việc được nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành của Bên B.

Bảo lãnh bảo hành bao gồm các nội dung chính sau:

+ Hình thức bảo lãnh bảo hành: Thư bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có uy tín hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

- + Giá trị bảo lãnh là 5% (năm phần trăm) giá trị phần công việc hoàn thành.
- + Hiệu lực:[ghi bằng thời gian bảo hành cộng thêm 10 ngày làm việc] kể từ ngày phát hành bảo lãnh.

- Bên A có quyền rút Bảo lãnh bảo hành nếu trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản thông báo của Bên A, Bên B không có xác nhận tiến hành sửa chữa, thay thế hàng hóa và hoặc phân dịch vụ bị hư hỏng. Để tránh nhầm lẫn, việc rút bảo lãnh thực bảo hành như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.

- Bảo lãnh bảo hành sẽ tự động hết hiệu lực khi đến ngày hết có hiệu lực không phụ thuộc vào việc Bên A có hoàn trả bản gốc bảo lãnh cho Bên B hay không. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, Bên B có thể yêu cầu Bên A bằng văn bản hoàn trả bản gốc. Trong trường hợp này, Bên A chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc sẽ hoàn trả bản gốc Bảo lãnh bảo hành cho Bên B.

- Không bị ảnh hưởng bởi kết quả kiểm tra, thử nghiệm trước khi nhận và không làm ảnh hưởng đến các quyền của Bên A theo quy định của hợp đồng, nếu Bên A phát hiện thấy hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) được giao thiếu hoặc không đúng như các quy định, mô tả kỹ thuật, bị khiếm khuyết, sai quy cách, hư hỏng trong Hợp Đồng này, Bên A có quyền từ chối không nhận hàng hóa hoặc yêu cầu Bên B phải gửi bổ sung hoặc thay thế hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) sai quy cách hay bị hư hỏng bằng các hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) mới theo đúng các yêu cầu kỹ thuật và các điều kiện được quy định trong Hợp Đồng này. Bên B phải chịu mọi phí tổn liên quan đến việc thay thế này.

- Hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) được thay thế sẽ được bảo hành tiếp trong khoảng thời gian tương đương với thời hạn bảo hành quy định trong Hợp Đồng kể từ thời điểm thay thế.

- Nếu Bên B không khắc phục được các khiếm khuyết, hư hỏng hoặc không thay thế kịp thời hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) trong khoảng thời gian mười lăm (15) ngày, Bên A sẽ tự khắc phục sửa chữa hoặc thay mới bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua Bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền phát sinh căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Bên A cung cấp. Trong trường hợp này, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều

11.3. Bản quyền: Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến Hàng Hóa, Phần mềm mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

ĐIỀU 12. PHẠT VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

12.1. Phạt giao chậm Hàng hoá.

- Giá trị Tuần trong tính phạt giao chậm được xác định bằng tổng số ngày giao chậm chia cho 07 ngày và làm tròn 02 chữ số sau dấu phẩy.

- Thời gian tính phạt chậm: Trường hợp Hàng hóa được Nghiệm thu kỹ thuật sau ngày cuối cùng phải giao hàng theo quy định Hợp đồng, trừ trường hợp Bất khả kháng, Bên B sẽ bị phạt do giao hàng chậm với thời gian tính phạt giao hàng chậm kể từ ngày cuối cùng phải giao hàng theo quy định Hợp đồng đến ngày Nghiệm thu kỹ thuật.
- Tỷ lệ Phạt do giao hàng chậm là 02% (một phần trăm) giá trị trước thuế phần giao chậm/tuần giao chậm. Thời gian giao chậm không quá 04 (bốn) tuần; tổng số tiền phạt không quá 08% (tám phần trăm) giá trị hợp đồng trước thuế.
- Trường hợp Hàng hoá giao chậm quá 04 tuần, trừ trường hợp bất khả kháng, mà không được sự đồng ý của Bên A thì Bên B được hiểu là đã vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 14.

12.2. Bồi thường thiệt hại.

Trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm, Bên B phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại trực tiếp Bên A gặp phải.

ĐIỀU 13. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

13.1. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau sau:

- a. Bên B vi phạm cơ bản các nghĩa vụ trong Hợp đồng;
- b. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- c. Xảy ra sự kiện Bất khả kháng;
- d. Bên B bị phá sản, giải thể.

13.2. Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên A bị phá sản; giải thể.

13.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm a và b Khoản 14.1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Trường hợp Bên A không ký được Hợp đồng với Nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt nêu trên thì Bên B phải chịu phạt không giao hàng cho phần hợp đồng không thực hiện với tỷ lệ phạt là 8% (tám phần trăm) giá trị phần Hợp đồng không thực hiện;

13.4. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm d Khoản 14.1 Điều này, Bên A không phải bồi thường các thiệt hại phát sinh của Bên B. Việc chấm

dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU 14. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

14.1. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

14.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

14.3. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

14.4. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 14.

ĐIỀU 15. LUẬT ÁP DỤNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

15.1. Luật áp dụng Hợp đồng là luật Việt Nam.

15.2. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

15.3. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết thông qua Tòa án có thẩm quyền; luật điều chỉnh Hợp Đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

ĐIỀU 16. ĐIỀU KHOẢN KHÁC

16.1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp Đồng này đều phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản.

16.2. Những vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

16.3. Các Phụ lục đính kèm là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng

với các Phụ lục thì nội dung các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng sẽ được ưu tiên thi hành.

16.4. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ Bên A nhận được Bảo lãnh thực hiện hợp đồng và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp Đồng này. Bên A sẽ xác nhận bằng văn bản ngày có hiệu lực của Hợp đồng.

16.5. Hợp Đồng này được lập thành bốn (04) bản chính và có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ hai (02) bản, Bên B giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Mẫu số 18
BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 ĐKCT.